| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THUỶ NGUYÊN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 36/2018/HS-ST
Ngày 15-5-2018

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Đắc Hân,

Ông Doãn Văn Sáng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Anh Chiến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1987 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Lê Thị D; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Tại Bản án số 168/HS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài sản (chấp hành xong hình phạt tù ngày 18 tháng 11 năm 2013, thi hành xong án phí ngày 01 tháng 8 năm 2011 - chưa được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 22 tháng 01 năm 2018 đến ngày 25 tháng 01 năm 2018 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Người bị hại:* Anh Đào Trọng A, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn 3, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 15 phút ngày 17 tháng 9 năm 2015, Trần Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16K9-6942 đi qua nhà anh Đào Trọng A, sinh năm 1980 tại thôn 3, xã K, huyện T. Thấy nhà anh Trọng A tắt điện đi ngủ, ngoài cửa có dựng chiếc xe đạp trẻ em kiểu xe mini màu hồng nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt bán lấy tiền ăn tiêu. Quan sát xung quanh không có người, T dựng xe máy ở ngoài đường liên thôn rồi trèo qua bờ tường bao vào nhà anh Trọng A lấy được chiếc xe đạp đem ra ngoài. Tuấn đặt chiếc xe đạp lên võng xe mô tô, rồi điều khiển xe đi theo đường bờ đê về đến thôn Ngọc Khê, xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên thì bị Công an phát hiện, bắt giữ Tuấn cùng vật chứng và đưa về trụ sở Công an xã Phù Ninh lập biên bản vụ việc.

Quá trình điều tra T bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 22 tháng 01 năm 2018 bị bắt theo Quyết định truy nã của Công an huyện Thủy Nguyên.

Tại Cơ quan điều tra Trần Văn T khai nhận như đã nêu trên.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T thừa nhận hành vi một mình chiếm đoạt chiếc xe đạp mini trẻ em màu hồng của anh Đào Trọng A và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 23 tháng 9 năm 2015 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: 01 xe đạp mini trẻ em màu hồng trị giá 500.000 đồng.

Bà Kiểm sát viên và bị cáo đồng ý với nội dung kết luận định giá tài sản, không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Bản Cáo trạng số 42/2018/CT-VKS ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố Trần Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 (BLHS năm 1999). Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999, Điều 38 và điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (BLHS năm 2015) xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù; không phạt tiền bị cáo.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án, bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản gây thiệt hại trị giá 500.000 đồng. Tài sản bị chiếm đoạt trị giá dưới 2.000.000 đồng, nhưng năm 2010 bị cáo đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản (tội Cướp tài sản), chưa được xóa án tích nên hành vi lần này đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản; tội phạm và hình phạt đối với bị cáo Trần Văn T được quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999. Các chứng cứ xác định bị cáo không có tội bị loại trừ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; bị cáo gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có bác ruột là liệt sỹ được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công là tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

[4] Về hình phạt: Với phân tích trên, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn và xử phạt bị cáo với mức án bằng mức khởi điểm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Tại khoản 5 Điều 138 của BLHS năm 1999 quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, nhưng bị cáo không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành nên không phạt tiền bị cáo.

[5] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố vụ án hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự. Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu đầy đủ, người bị hại không còn yêu cầu gì về bồi thường nên không xem xét. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16K9-6942, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là của ông Phạm Văn C, ông C và phương tiện không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý và trả lại xe cho ông C sử dụng là phù hợp pháp luật.

Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo, bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Trần Văn T 12 (Mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 22 tháng 01 năm 2018.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án Người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật..

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Bị cáo;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra công an huyện Thuỷ Nguyên;
- Cơ quan THAHSCA huyện Thuỷ Nguyên;
- Trại giam công an thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam công an huyện Thuỷ Nguyên;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Văn Dũng**